

LUYỆN TẬP VỀ LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

(Tiếp theo)

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Củng cố hiểu biết về hướng liên kết trong văn bản.
- Vận dụng sự hiểu biết về liên kết vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.

Cụ thể :

- + Biết phân tích tính liên kết trong văn bản.
- + Biết phân tích nội dung cần diễn đạt, sắp đặt các phần của nội dung, đảm bảo văn bản tạo lập ra có tính liên kết chặt chẽ.

(1) *Thụ sao* : ngọn cây. Ngọn cây thường nhọn, thẳng, thể hiện rất sinh động tính cách ngay thẳng của Trương Phi. Dịch thành *cành lá* chưa thể hiện được tinh thần của nguyên bản.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Liên kết trong văn bản

a) Khái niệm liên kết liên quan chặt chẽ đến mạch lạc. Mạch lạc là một vấn đề mới trong ngữ pháp văn bản. Hiện vẫn còn nhiều quan niệm khác nhau xung quanh vấn đề này. Mạch lạc là một yếu tố quan trọng quyết định chuỗi câu đứng cạnh nhau trở thành một văn bản. Có thể tham khảo ý kiến của Đa-vít Nu-nan : "Mạch lạc là tầm rộng mà ở đó diễn ngôn được tiếp nhận như là có mắc vào nhau chứ không phải là một tập hợp câu và phát ngôn không có liên quan với nhau"⁽¹⁾. Như vậy, tính mạch lạc của văn bản được đảm bảo bởi nhiều yếu tố, bao gồm cả những yếu tố bên trong và bên ngoài văn bản.

b) Vai trò của liên kết trong văn bản rất lớn.

– Trước hết, nhờ có liên kết mà văn bản phân biệt được với chuỗi câu sắp đặt cạnh nhau một cách ngẫu nhiên.

– Thứ hai, các câu, các đoạn trong văn bản khi liên kết với nhau, cùng phục vụ cho đề tài, chủ đề chung của văn bản thì có giá trị nhất định đối với nhau.

Nhiều câu nếu bị tách khỏi những câu khác, tách khỏi mạch liên kết của văn bản sẽ trở nên khó hiểu hoặc không hiểu được.

Ví dụ : (1) *Tác phẩm "Ra-ma-ya-na" không những chỉ nói đến kì tích mà còn là lâu đài đầy những nhân vật lí tưởng soi sáng tâm hồn và hành động.* (2) *Nó còn là một tác phẩm ghi lại các truyền thống triết học, tôn giáo và đạo đức của dân tộc Ấn Độ.*

Từ nó trong câu (2) không thể hiểu được nếu câu (2) không đứng sau câu (1).

Ngoài ra, nhiều khi liên kết còn có tác dụng làm cho những câu bất thường về nghĩa vẫn có thể tồn tại một cách hợp lí trong văn bản.

2. Hướng liên kết

Tham gia vào văn bản, các câu có giá trị khác nhau. Nhìn chung, có thể chia chúng thành hai loại :

– Câu tự nghĩa : là câu tự nó hoàn chỉnh về cấu trúc và ý nghĩa. Người đọc không cần phải dựa vào ý nghĩa của những câu khác, cũng có thể hiểu được.

(1) Đ. Nu-nan, *Dẫn nhập phân tích diễn ngôn*, NXB Giáo dục, 1998, tr. 165.

– Câu không tự nghĩa : là câu tự nó không hoàn chỉnh về cấu trúc hoặc / và ý nghĩa. Muốn hiểu được câu không tự nghĩa, người đọc phải dựa vào ý nghĩa của những câu khác (trước hoặc sau) trong văn bản.

Ví dụ : (1) *Trần Thánh Tông (1240 - 1290) là con vua Trần Thái Tông.* (2) *Ông lên ngôi vua năm 1258, đến năm 1278 nhường ngôi cho con.*

Trong hai câu trên, câu (1) là câu tự nghĩa, câu (2) là câu không tự nghĩa (nếu tách riêng câu (2), người đọc có thể sẽ không hiểu từ *Ông* chỉ ai).

Để hiểu rõ ý nghĩa của các câu trong văn bản, phải nắm được hướng liên kết của câu :

– Liên kết hồi chỉ – liên kết chiều ngược : liên kết câu với câu (những câu) đứng trước nó.

– Liên kết khứ chỉ – liên kết chiều xuôi : liên kết câu với câu (những câu) đứng sau nó.

– Liên kết hồi – khứ chỉ – liên kết hai chiều ngược – xuôi : liên kết câu với câu (những câu) đứng trước và sau nó.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

Đây là một bài luyện tập. GV cho HS lần lượt làm các bài tập trong SGK.

Bài tập 1

Mục đích của bài luyện tập này là bổ sung cho nhận thức về vai trò của liên kết trong văn bản. Cụ thể, trong văn bản, các câu liên kết với nhau, có ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Nếu bỏ đi một câu sẽ ảnh hưởng đến nội dung chung của toàn văn bản. Trong văn bản đã dẫn, nếu bỏ đi câu (4) :

*Mừng ông nay mới đẻ con trai,
Thật giống con nhà chẳng giống ai.
Mong cho chóng lớn mà ăn cướp,*

thì ý nghĩa của văn bản, lời chúc mừng "đẻ con trai" hoàn toàn không bình thường (trong thực tế không ai chúc con người khác chóng lớn để đi ăn cướp cả – có cảm giác đây như là lời "chửi", lời "rủa"). Nhưng khi có câu (4) thì ý nghĩa của từ "ăn cướp" được cụ thể hoá, và lời chúc trở nên bình thường, thành tâm, đồng thời "giải toả tâm lý" của người nghe.

Bài tập 2

Chú ý đến các từ ngữ sau :

- a) Đó
- b) Nhân
- c) Quan niệm đó, quan niệm của Nho giáo
- d) Hát
- đ) Cái tâm tình tốt đẹp ấy.

Bài tập 3

– Trước hết, cho HS tìm các từ ngữ có tác dụng chỉ hướng liên kết : *cũng, vẫn, còn, đó, như sau, sau đây.*

– GV hướng dẫn HS điền vào bảng như mẫu trong SGK.

| Từ ngữ liên kết câu sau với câu trước | Từ ngữ liên kết câu trước với câu sau |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| <i>cũng, vẫn, còn, đó</i> | <i>Như sau, sau đây</i> |

Bài tập 4

Tham khảo cách sắp xếp sau : *Kể cũng lạ, con người từ khi sinh ra, chào đời bằng tiếng khóc chứ không phải tiếng cười (2). Rồi từ khi sinh ra cho đến khi từ giã cõi trần gian còn có bao nhiêu điều cần khóc, phải khóc (4). Khóc vì đau khổ, oan ức, buồn tủi, giận hờn, thương cảm, trái ngang và lại cả vì vui sướng, sung sướng, hạnh phúc (5). Vậy thì xem ra tiếng khóc không phải ít cung bậc và càng không ít ý nghĩa so với tiếng cười (3). Nhưng tại sao dân gian chỉ toàn sáng tạo ra truyện tiếu lâm để gây cười mà không tạo ra truyện tiếu lâm để gây khóc (1).*

Bài tập 5

HS tự làm bài tập này ở nhà.